

37. XÃ HỒNG DÂN

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Khu 1A			
1	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Hưng Đạo	4.500
2	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	3.200
3	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đến hết ranh đất ông Hồ Công Uẩn (Giáp ấp Thống Nhất)	3.500
4	Khu 1B	Bắt đầu từ ranh đất ông Út Bé	Đến giáp ranh Trại cura Tám Tương (trên lộ và mé sông)	1.800
5	Khu 1B	Bắt đầu từ nhà ông Trần Phước Nam (giáp đường Chu Văn An)	Đến giáp Lộ trước (đến nhà ông Trịnh Văn Y)	2.500
6	Khu 1B	Bắt đầu từ giáp ranh Trại cura Tám Tương	Đến giáp ấp Bà Gòông (hết ranh đất ông Trần Văn Bé Phía trên lộ và mé sông)	1.300
	Khu 2			
7	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Nguyễn Trung Trực	Đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	4.000
8	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đến đường Trần Hưng Đạo	2.500
9	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Bắt đầu từ ranh đất Miếu Quan Đê (Chùa ông Bôn)	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Khởi An	2.800
10	Khu III	Bắt đầu từ nhà ông Trịnh Văn Hải (cầu Trọng Điền)	Đến ngã tư Kinh Xáng Trung tâm y tế	1.600
11	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu cầu Trọng Điền	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Minh Hải	1.300
12	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Tén	Đến đầu cầu Kinh Nhỏ	1.000
13	Khu III, đoạn từ cầu lún đến đầu kinh nhỏ	Bắt đầu từ đầu cầu kinh nhỏ khu III (theo kênh nhỏ)	Đến chùa Hưng Kiến Tự	1.000
14	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 0 m	Đến 30 m	1.300

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 30 m tiếp theo	Đến 60 m	1.000
16	Khu III, đoạn từ cầu Lún đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sang (Giáp lộ Kinh Nhỏ)	Bắt đầu từ 60 m tiếp theo	Đến ranh đất ông Nguyễn Văn Sang	800
17	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất bà Dương Thị Thanh (dọc theo sông Cái Trầu)	Đến hết ranh đất Đình thần Trung Trực	400
18	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh Tái định cư	Đến nhà ông Danh Khiêm	1.800
19	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Tuyết Thắng	Đến Miếu Bà Hiên	800
20	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Ca Văn Quang	Đến ngã tư Bà Gòg (đến ranh đất ông Trần Tuấn Mạnh)	400
21	Ấp Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Tuấn Mạnh	Đến giáp khu tái định cư (hết ranh đất ông Lương Văn Được)	500
22	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)	Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben	2.600
23	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng		1.600
24	Khu tái định cư, ấp Bà Hiên	Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (Lô III)		1.300
25	Bờ đông, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất Trung tâm y tế	Đến hết ranh đất Chùa Hưng Kiến Tự	800
26	Bờ Tây, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Đặng Văn Nghĩa	Đến ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	300
27	Bờ Tây, ấp Trèm Trẹm	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Oanh	Đến hết ranh Miếu Rạch Chùa	600
28	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Bình Đăng	Đến ngã ba Vàm Xáng (hết ranh đất bến đò ông bảy Đức)	400
29	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Sơn Hồng Bảy	Đến hết ranh đất ông Võ Văn So	400
30	Đường Trèm Trẹm - Xẻo Quao	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Thanh	Đến hết ranh đất Bảy Đức	400

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
31	Bờ Bắc rạch Chùa	Cầu Trung Ương đoàn	Đến hết ranh ông Lâm Dù Cạc	300
32	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Thành Thề	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Bê	2.300
33	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Sáu	Đến Cầu Kè	1.500
34	Đường Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ Cầu Kè	Đến hết ranh đất bà Hương (giáp cầu Xẻo Vệt)	1.000
35	Đường Trần Hưng Đạo	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Út Nhỏ (tuyến lộ Thống Nhất II)	Đến Cầu Xẻo Vệt	900
36	Ấp Bà Gò	Bắt đầu từ ngã tư Bà Gò (từ ranh đất ông Trương Kim Nám)	Đến giáp Khu 1B Nội Ô (giáp ranh đất ông Trần Văn Bé)	1.000
37	Ấp Bà Gò	Bắt đầu từ cầu 19 tháng 5	Đến ngã Tư Bà Gò (đến ranh đất ông Quách Văn Siêu)	700
38	Ấp Bà Gò	Bắt đầu từ ngã Tư Bà Gò (từ ranh đất Trường Tiểu Học)	Đến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	800
39	Ấp Bà Gò	Bắt đầu từ ranh đất nhà Lê Thị Tình	Đến hết ranh nhà ông Danh Khen (chuồng dơi)	350
40	Ấp Bà Gò	Bắt đầu từ hết ranh đất nhà ông Danh Khen	Đến ranh xã Ninh Hòa (cũ)	300
41	Cầu Bụi Dừa	Bắt đầu từ ranh đất ông Dương Thanh Văn	Đến cầu Bụi Dừa	350
42	Rạch Tà Ben	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Thanh Văn	Đến rạch Bà Hiên	350
43	Ấp Bà Gò, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)	Đến 60m	1.000
44	Ấp Bà Gò, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ 60m tiếp theo	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến giáp lộ Thống Nhất II)	700
45	Ấp Bà Gò, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ cầu Xẻo Vệt (bến phà cũ)	Đến hết ranh đất ông Sáu Bùi	600

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
46	Ấp Bà Gòong, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Bùi	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tổng	500
47	Ấp Bà Gòong, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà	Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu	Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà (cũ)	450
	Khu Trung tâm hành chính (Trừ khu Trung tâm Thương mại)			
48	Đường Lê Duẩn	Cầu số 01	Đường Lộc Ninh (xem lại giới hạn)	4.000
49	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	4.000
50	Đường Bùi Thị Trường	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	4.000
51	Đường Trần Hưng Đạo	Đầu cầu Ngan Dừa	Đường Lộc Ninh	4.000
52	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	Đường Bùi Thị Trường	4.000
53	Đường Trần Văn Bảy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Gia Viễn	4.500
54	Đường Lê Thị Riêng	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lộc Ninh	4.000
55	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Bình Khiêm	4.500
56	Đường Trần Kim Túc	Đường Trương Văn An	Đường Lộc Ninh	3.800
57	Đường Trương Văn An	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Thị Riêng	3.800
58	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Văn Bảy	3.800
59	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Thị Sáu	3.800
60	Đường Thị Châm	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Thị Sáu	3.800
61	Đường Nguyễn Thị Mười	Đường Phùng Ngọc Liêm	Đường Nguyễn Đình Chiểu	3.800
62	Đường Trần Văn Tấn	Đường Bùi Thị Trường	Đường Lộc Ninh	3.800
63	Đường Nguyễn Thị Năm	Đường Trần Kim Túc	Đường Trần Văn Tấn	3.800
64	Đường Lộc Ninh	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	3.150

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
65	Đường B12	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	3.800
66	Đường Ngô Quyền (đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân)	Bắt đầu từ 0 km (đầu đường)	Đến đường dẫn cầu Gia Diễn (Lê Văn Đông)	1.000
67	Đường Ngô Quyền (đoạn nối giữa đoạn từ Cầu Lún đến Trung Tâm Y tế huyện Hồng Dân)	Bắt đầu từ giáp ranh đất bồi thường đường dẫn cầu Gia Diễn (đất ông Lê Văn Đông)	Đến hết đường Ngô Quyền	700
68	Khu III, đoạn nối giữa đường Ngô Quyền với lộ kênh nhỏ	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lâm Vui	Đến ranh đất bà Nguyễn Thị Ly	1.400
69	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngươi	2.000
70	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Ngươi	Đến hết sân Tennis	1.400
71	Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II	Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis	Đến đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến lộ Thống Nhất II)	1.000
72	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Kênh nhỏ	Đến cầu Chùa Ngan Dừa	600
73	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Chùa Ngan Dừa	Đến hết đất ông Võ Văn So	500
74	Từ cầu Kinh nhỏ (quán Vinh Hạnh) đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	Bắt đầu từ cầu Đoàn Thanh Niên	Đến Đình thần Nguyễn Trung Trực	500
75	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Bắt đầu từ lộ Thống Nhất II)	Đến cầu Mới Bà Gòong	800

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
76	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Mới Bà Gò	Đến hết ranh thị trấn (Bãi rác)	700
77	Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn	Đến ngã 4 đường Ngô Quyền	900
78	Bà Hiên	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Được	Đến ranh đất ông Trần Quốc Nghiêm	800
79	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến cổng Chèo	1.100
80	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cổng Chèo	Đến hết ranh đất Cây xăng Hoàng Quân	900
81	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ ranh đất Cây xăng Hoàng Quân	Đến giáp Kinh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	700
82	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ kênh thủy lợi ông Ca Văn Ngọc	Đến giáp xã Ninh Hoà (Cầu bà Hiên)	600
83	Áp kênh xáng	Bắt đầu từ cầu kênh Xáng (Miếu Ông Bồn)	Đến ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	900
84	Áp Cầu Sáu Đông	Bắt đầu từ Miếu Ông Bồn	Đến rạch đường Trâu (cổng Ông Cộn)	700
85	Áp Cầu Sáu Đông	Bắt đầu từ rạch đường Trâu (cổng Ông Cộn)	Đến Cầu chùa Cầu Sáu	500
86	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất Hăng nước đá Út Nhỏ	Đến hết ranh đất Hăng Nước đá Trần Tấn	700
87	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ hết ranh đất Hăng nước đá Trần Tấn	Đến hết ranh đất ông Lâm Văn Tân	700
88	Áp Kênh Xáng	Bắt đầu từ giáp cầu Tám Tụ	Đến giáp xã Vĩnh Lộc cũ (hết ranh đất ông Hàng Văn Sinh)	500
89	Kênh Xáng Cầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Lâm Thị Dũng	Đến ranh đất nhà bà Thị Diện	900
90	Đường dân Cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Du	Đến giáp móng cầu Lộc Ninh - Ngan Dừa	1.000
91	Áp Cầu Sáu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Diện	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	300
92	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất Trụ sở xã (giáp cầu ông Tân)	Đến hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	760
93	Áp Bà Ai I	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Lê Hoàng Chư	Đến cầu ông Lý Hoàng Thọ	500
94	Áp Bà Ai I, Tà Suối	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Hà Thị Sớm	Đến hết cầu nhà Năm Hiên	400
95	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Phương	Đến hết ranh đất ông Phôn (giáp xã NTL)	700
96	Áp Bà Ai I, II, Cai Giăng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lý Hoàng Thọ	Đến hết ranh đất Chùa Thành Thát	500

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
97	Ấp Kênh Xáng, Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ kênh Xáng (nhà ông Đình)	Đến hết ranh ông Danh Khum	300
98	Ấp Kênh Xáng, Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Văn Bình	Đến giáp ranh xã Ninh Hòa	300
99	Ấp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Khum	Đến giáp kênh Xáng Hòa Bình	300
100	ĐH 06 - Lộc Ninh - Ninh Thành Lợi	Bắt đầu từ kênh 12000	Đến hết ranh đất ông Dện	600
101	Phước Hoà	Bắt đầu từ cầu Trường học Phước Hoà	Đến giáp thị trấn Phước Long (hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ)	400
102	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông Phôn	Đến hết ranh đất Chùa Cai Giăng (giáp xã Vĩnh Lộc)	400
103	Ấp Tà Suôi, Bình Dân	Bắt đầu từ cầu Tà Suôi (từ ranh đất ông Nguyễn Văn Sỏi)	Đến hết ranh đất ông Phan Minh Hoàng	400
104	Ấp Đầu Sấu Tây	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Danh Phen	Đến giáp cầu Bà Ai 1 (Cầu Sắt)	400
105	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lưu Văn Súa	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Cửa	500
106	Ấp Bình Dân, Tà Suôi, Bà Ai I	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Lê Văn Quel (kênh 6.000)	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc (Bờ đông Kênh Hoà Bình)	400
107	Ấp Cai Giăng - Phước Hoà	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Trần Văn Cang	Đến hết ranh đất ông Đoàn Văn Cơ (đầu kênh 6.000)	400
108	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Phạm Văn Cả	Đến giáp cầu Trường học Phước Hòa	300
109	Ấp Bà Ai I	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã (giáp cầu ông Tân)	Đến cầu Thanh Niên (Rạch thầy Cai)	700
110	Ấp Tà Suôi	Bắt đầu từ cầu Thanh Niên(rạch thầy Cai)	Đến cầu 1000 (ranh đất Nguyễn Văn Súa)	500
111	Ấp Cai Giăng	Bắt đầu từ cầu ông 7 Nhỏ	Đến giáp kênh 3 tháng 2	300
112	Tuyến Vĩnh Ninh - Ấp Kinh Xáng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Đức	Đến giáp ranh xã Vĩnh Lộc	300
113	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế	Đến Giáp ranh xã Ninh Quới A (Cầu 3.000)	500

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
114	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hương (giáp cầu 7.000)	500
115	Tuyến lộ 63 (DT78)	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phi (cầu 7.000)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá)	500
116	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã Ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Võ Văn Đục	500
117	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng	Đến giáp thị trấn Ngan Dừa cũ	500
118	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ ngã ba cầu chữ Y	Đến hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Mừng	500
119	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu ranh đất Lê Hoàng Thoại	Đến cầu Xéo Tràm	500
120	Tuyến đường Ngan Dừa - Ninh Hòa - Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Xéo Tràm	Đến cầu Ninh Quới (cầu Ba Hùng)	500
121	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất bà Võ Thị Mừng (Phía Đông)	500
122	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ngã ba Cầu Chữ Y	Đến hết ranh đất ông Võ Văn Đục (phía tây về Thị trấn Ngan Dừa)	500
123	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Hoàng Thoại (về Ninh Quới)	Đến Cầu Xéo Tràm	400
124	Khu vực Cầu chữ Y	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Mừng (về Thị trấn Ngan Dừa)	Đến Cống Bảy Ú	400
125	Tuyến Ninh Thạnh 2 - Tà Ky - Ninh Phước (phía có lộ nhựa)	Bắt đầu từ cầu 8.000 Ninh Thạnh 2, bờ có lộ nhựa (từ ranh bà Cam)	Đến giáp Kênh Xáng Hoà Bình hết ranh đất bà Nguyễn Thị Cẩm)	350
126	Tuyến Ninh Phước - Tà Ốc - Ninh Thạnh 2	Bắt đầu từ ranh đất Trường Trương Vĩnh Ký (ngã 3 Ninh Phước) - Bờ Tây	Đến cầu 3.000 - ranh đất ông Hai Đại	350
127	Tuyến Ninh Phước - Tà Ốc - Ninh Thạnh 3	Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp	Đến Cầu Bà Hiên thị trấn Ngan Dừa	400

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
128	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chín Khanh (Ninh Thạnh 1)	Đến Cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	350
129	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Phạm Văn Mèo	350
130	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Văn Công Chiến (Tà Ben)	Đến hết ranh đất ông Bảy Tý	400
131	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ cầu Chữ Y - Bắt đầu từ ranh đất Huỳnh Văn Phận	Đến Cầu Ngan Châu	300
132	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ranh đất ông Lương Văn Cường	Đến hết ranh đất bà Đặng Thị Bé Hai	300
133	Lộ nông thôn	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Rít	Đến Cổng Lá Viết	400
134	Đường vành đai sông cái	Bắt đầu từ ranh đất Trần Phong Sắc (Vĩnh An)	Đến Cầu Ba Hùng (giáp Ninh Quới)	400
135	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ ranh đất ông Võ Văn Hát	Đến Cầu ngã tư Ninh An (hết ranh đất bà Trần Thị Thích)	350
136	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ cầu Rọc Lá (Ranh đất ông Võ Văn Nở)	Đến cầu Trung ương Đoàn (hết ranh đất ông Lương Văn Cường)	300
137	Tuyến ngã tư Ninh An-Ninh Quới	Bắt đầu từ trường Tuệ Tĩnh	Đến Cầu Xẻo Rô (hết ranh đất ông Phan Văn Danh)	300
138	Tuyến Út Xù	Bắt đầu từ cầu 6 Vạn (Ninh Thạnh 1)	Đến hết ranh đất Danh Vân (Tà Ben)	300
139	Tuyến kênh Trương Hồ	Bắt đầu từ cầu Trương Hồ (Ninh Phước)	Đến hết ranh đất Trần Văn Tính (Trương Hồ)	300
140	Tuyến Ninh Thạnh II - Tà Ky - Ninh Phước (phía không có lộ thủy)	Bắt đầu từ cầu 8.000 (bờ Tây Ninh Thạnh 2)	Đến Cầu ông Tiếp (Tà Ky)	300
141	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Chiến Hiền (bờ Đông)	Đến hết ranh đất ông Danh Phan	300
142	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp xã Phước Long, bờ Tây)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh)	300
143	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ giáp ranh đất ông 2 Lũy (Tà Ben)	Đến giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Khai (Vĩnh An)	300
144	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu từ cầu Quốc Dân	Cầu Bảy Tâm	300

Đơn vị tính 1.000 đồng/m²

STT	Đường tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Điểm đầu	Điểm cuối	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
145	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Nguyễn Văn Hồng - Bờ Đông	Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)	300
146	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	Bắt đầu nhà ông Lê Văn Trắng (ngã tư Sáu Bàng)	Đến hết ranh đất nhà ông Lê Thành Công (giáp ranh Ninh Quới A cũ)	300
147	Tuyến kênh Xẻo Tràm	Bắt đầu từ cầu Xẻo Tràm (Trà Men)	Đến cổng Xẻo Tràm	300
148	Ấp Ninh Thạnh 2	Bắt đầu từ cầu 6000 (nhà ông Bùi Văn Nho)	Đến hết ranh nhà ông Đặng Văn Vọng	300
149	Tuyến Hào Hai	Bắt đầu từ cầu Hào Hai (Nhà ông Nguyễn Văn Vĩ)	Đến hết ranh nhà ông Lê Văn Nghĩa (8 Nghĩa)	300
150	Ấp Tà Ky - Tuyến Kinh Cùng	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Nhiệm	Đến hết ranh nhà ông Phan Văn Bồn	300
151	Ấp Tà Ky - Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huynh	Đến kênh 9000 giáp ranh xã Lộc Ninh	300
152	Tuyến Kênh Ranh (Ninh Định - Ninh An)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Trương Thị Hộ	Đến hết ranh nhà ông Nguyễn Văn Tới	300
153	Tuyến 9000	Bắt đầu từ ranh đất Công An Huyện	Đến nhà ông Phan Út Lớn	300
154	Tuyến đường bê tông 2,5 m, ấp Tà Ben	Bắt đầu từ đất ông Danh Sen	Đến đất ông Trương Văn Tính	350
155	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ ≤ 2m			300
156	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			350
157	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng > 3m			400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		250
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		200